

Bản án số: **35/2025/DS-ST**
Ngày 04-9-2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC ST – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đạt Phương.

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Anh Thảo là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực ST – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 579/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân Hàng TMCP A**; Địa chỉ: Số A, đường A1, phường A2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Hoàng P** – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ Ngân Hàng TMCP A. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 128/2025/GQĐ-CNST ngày 17/02/2025 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, phường B2, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Vũ T**, sinh năm 19XX (vắng mặt).

CCCD: XXXX; Địa chỉ: Số C, đường C1, Khóm C2, Phường C3, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2024 và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/9/2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Hoàng P trình bày:*

Vào ngày 25/4/2023 ông Nguyễn Vũ T đã ký kết với Ngân Hàng TMCP A hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cụ thể như sau: Hạn mức là 30.000.000 đồng,

loại thẻ Visa, số thẻ 436438-5819. Lãi suất 29.8%/năm, 2.48%/tháng, lãi quá hạn 150% của lãi suất trong hạn. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng TMCP A) ông Nguyễn Vũ T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân Hàng TMCP A.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Vũ T đã thực hiện giao dịch tổng số tiền là 30.100.000 đồng. Ông Nguyễn Vũ T đã thanh toán cho Ngân Hàng TMCP A được số tiền 4.582.000 đồng. Vào ngày 26/01/2024 Ngân Hàng TMCP A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm: Buộc ông Nguyễn Vũ T trả cho Ngân Hàng TMCP tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 04/9/2025 với tổng số tiền là 59.487.900 đồng (trong đó: tiền gốc là 34.386.369, tiền lãi quá hạn là 25.101.531 đồng) và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Vũ T:*

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời bị đơn ông T cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

** Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Vũ T cư trú tại phường C3, thành phố Cần Thơ thanh toán số tiền thẻ còn nợ là 59.487.900 đồng hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, loại thẻ Visa, số thẻ 436438-7256. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực ST – Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hoàng P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông T trả số tiền gốc và lãi là 59.487.900 đồng, thấy rằng:

Theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 25/4/2023, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, có hiệu lực ngày 29/11/2019 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết tên của ông Nguyễn Vũ T. Tòa án đã thông báo cho ông T biết các tài liệu chứng cứ trên nhưng ông T không có ý kiến phản đối. Đồng thời, sau khi nhận thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 30.100.000 đồng. Ông Nguyễn Vũ T đã thanh toán cho Ngân Hàng TMCP A được số tiền 4.582.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Như vậy, có cơ sở xác định ông T đã vay tiền của Ngân hàng TMCP A theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 25/4/2023 với hạn mức là 30.000.000 đồng, loại thẻ Visa, số thẻ 436438-5819. Lãi suất 29.8%/năm, 2.48%/tháng, lãi quá hạn 150% của lãi suất trong hạn, mục đích tiêu dùng cá nhân.

[4] Về tính hợp pháp của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 25/4/2023, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, có hiệu lực ngày 29/11/2019. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, không bị lừa dối ép buộc và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên có hiệu lực và buộc các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo hợp đồng.

[5] Ngân hàng đã kích hoạt thẻ (Giao thẻ và Pin) với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng cho ông T. Sau khi nhận thẻ, ông T đã thực hiện các giao dịch

với tổng số tiền 30.100.000 đồng, đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.582.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 26/01/2024 ông T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng căn cứ Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T từ ngày 26/01/2024 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của ông T tại thời điểm này là 34.386.369 đồng sang làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn và yêu cầu ông T thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi quá hạn là 59.487.900 đồng (trong đó: tiền gốc là 34.386.369, tiền lãi quá hạn là 25.101.531 đồng) là phù hợp với thỏa thuận tại các Điều 18, 19, 20, 22, 23, 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết, phù hợp với Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, cũng như phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Đồng thời, số tiền gốc và lãi nêu trên Ngân hàng đã tính đúng nên được chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 cho đến khi ông T trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên được chấp nhận.

[7] Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền **2.974.395 đồng** theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

- Buộc ông Nguyễn Vũ T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 04/9/2025 là 59.487.900 đồng (trong đó: tiền gốc là 34.386.369 đồng, tiền lãi quá hạn là 25.101.531 đồng).

- Kể từ ngày 05/9/2025, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ngày 25/4/2023, Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP A, có hiệu lực ngày 29/11/2019) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Vũ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 2.974.395 đồng.

Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 998.351 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008588 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực ST – Cần Thơ.

3. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND KVST – Cần Thơ;
- Phòng THADS KVST – Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Thanh Loan

